

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN
NƯỚC TRONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 52/2024/CBTT-NTH

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 03 năm 2024

“V/v CBTT Báo cáo thường niên
năm 2023”

Kính gửi: - Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NƯỚC TRONG
Mã chứng khoán : NTH
Trụ sở chính : Thôn Nước Tang, xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi,
Việt Nam
Điện thoại : (0255) 381 9662 Fax: (0255) 381 9598
Người thực hiện CBTT : Ông Ngô Trung Dũng Chức vụ: Giám đốc
Loại thông tin công bố: 24 h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
Nội dung thông tin công bố : Báo cáo thường niên năm 2023.

Địa chỉ Website công bố thông tin: www.thuydiennuoctrong.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (b/c);
- Lưu VT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Ngô Trung Dũng

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2023**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4300322171
- Vốn điều lệ : 108.020.530.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 108.020.530.000 đồng.
- Địa chỉ : Thôn Nước Tang, xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi
- Số điện thoại : 0255.3819662
- Số fax : 0255.3819598
- Website : www.thuydiennuoctrong.com.vn
- Mã cổ phiếu : NTH
- Quá trình hình thành và phát triển:

2004 Tiền thân là Công ty Cổ phần Nước Trong được thành lập ngày 11 tháng 02 năm 2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp với vốn điều lệ đăng ký là 9 tỷ đồng, nhằm mục đích đầu tư dự án Nhà máy Thủy điện Nước Trong.

2006 Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 18/01/2006.

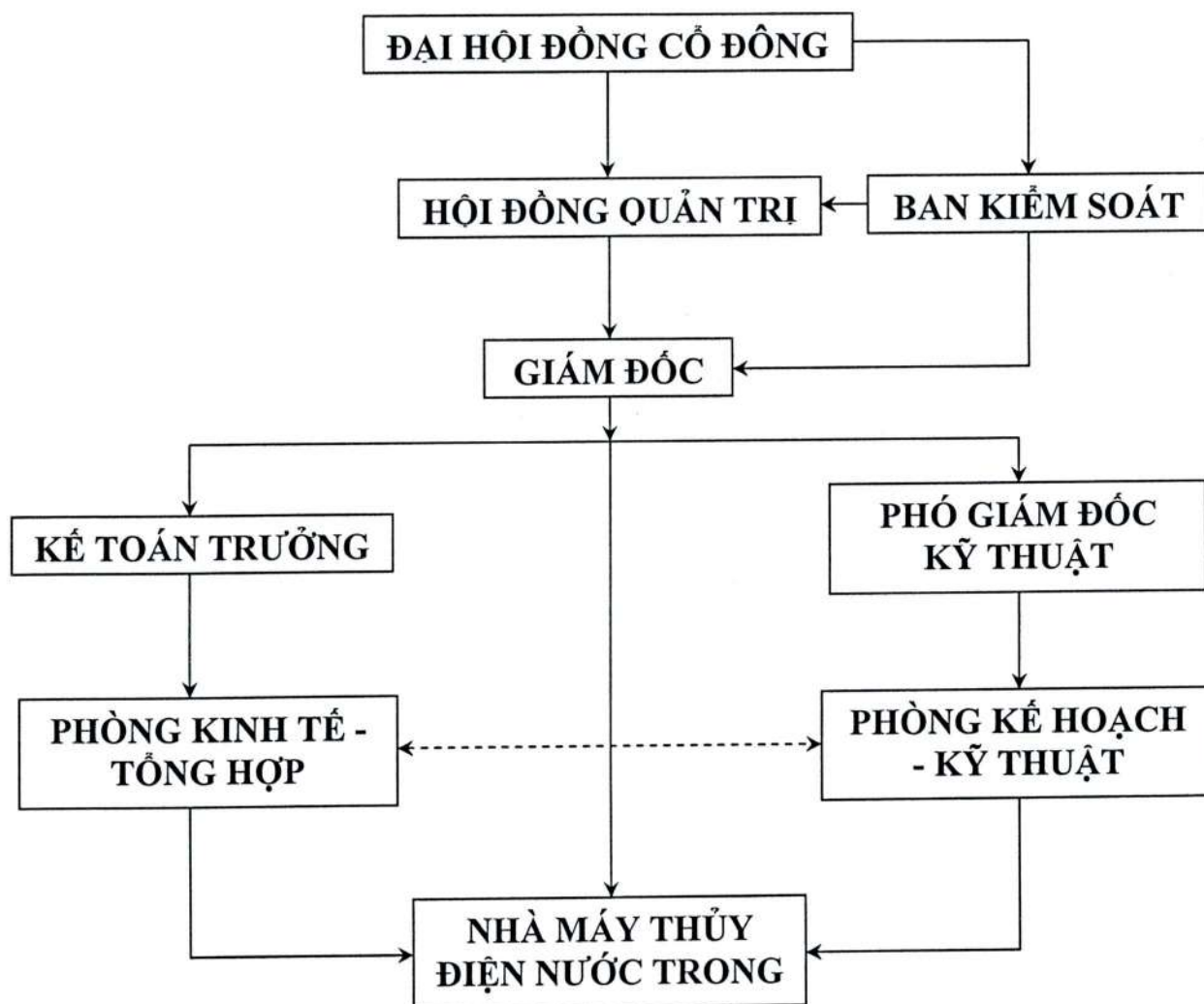
2008 Hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào tiến độ xây dựng Hồ chứa nước Nước Trong, do đó đến năm 2008, dự án Nhà máy Thủy điện Nước Trong mới bắt đầu triển khai xây dựng.

2012 Đến tháng 10/2012, Nhà máy đã hoàn thành công đoạn xây dựng, lắp đặt thiết bị và đưa vào vận hành phát điện lên lưới. Tuy nhiên, do tiến độ xây dựng Hồ chứa nước Nước Trong vẫn chưa hoàn thành (đạt cao trình 104,5m so với cao trình đỉnh đập là 132m) nên Nhà máy chỉ phát được 50% công suất thiết kế.

<u>2016</u>	Đến cuối năm 2016, công trình Hồ chứa nước Nước Trong hoàn thành đạt cao trình 132m, tích nước đến cao trình mực nước dâng bình thường 129,5m, do đó Nhà máy Thủy điện Nước Trong mới chính thức phát điện đủ 100% công suất thiết kế.
<u>2017</u>	Hoạt động kinh doanh của Công ty đã đi vào ổn định. Ngoài ra, năm 2017 là năm đầu tiên Công ty bắt đầu chia cổ tức cho Cổ đông với mức cổ tức bằng cổ phiếu là 14% và mức cổ tức bằng tiền là 25%.
<u>2018</u>	Công ty hoạt động ổn định, mức cổ tức bằng tiền là 21%.
<u>2019</u>	Công ty được Ủy ban chứng khoán Nhà nước công nhận là công ty đại chúng theo văn bản số 124/UBCK-GSĐC ngày 05/01/2019 và được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 04/2019/GCNCP-VSD ngày 23/01/2019 với mã chứng khoán NTH. Được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở GDCK Hà Nội theo Quyết định số 337/QĐ-SGDHN ngày 03/06/2019 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu niêm yết của Công ty tại Sở GDCK Hà Nội vào ngày 19/06/2019 theo Thông báo số 633/TB-SGDHN ngày 11/06/2019 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Công ty hoạt động ổn định, mức cổ tức bằng tiền là 27%.
<u>2020</u>	Công ty hoạt động ổn định, mức cổ tức bằng tiền là 27%.
<u>2021</u>	Công ty hoạt động ổn định, mức cổ tức bằng tiền là 30%.
<u>2022</u>	Công ty hoạt động ổn định, mức cổ tức bằng tiền là 45%.
<u>2023</u>	Công ty hoạt động ổn định, mức cổ tức bằng tiền dự kiến là 45%.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

3.2.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm họp một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định cơ cấu tổ chức, giải thể, phá sản Công ty, quyết định các kế hoạch đầu tư dài hạn và chiến lược phát triển, cơ cấu vốn, bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

3.2.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty trong nhiệm kỳ, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3.2.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.

3.2.4. Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- **Giám Đốc:** Điều hành hoạt động của Công ty tuân thủ theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty, theo Ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Luật doanh nghiệp.
- **Các Phó Giám Đốc:** là người giúp việc cho Giám đốc công ty, được Giám đốc ủy quyền hoặc chịu trách nhiệm trong một số lĩnh vực quản lý chuyên môn và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về những nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.
- **Kế toán trưởng:** là người tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính của công ty, giúp Giám đốc công ty giám sát tài chính tại công ty theo pháp lệnh về tài chính, kế toán, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

3.2.5. Phòng Kinh tế - Tổng hợp

Phòng Kinh tế - Tổng hợp có chức năng quản lý về công tác tổ chức, lao động, tiền lương, thống kê, hành chính, văn phòng,... Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về công tác được phân công.

3.2.6. Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật

Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật có chức năng quản lý về công tác kỹ thuật, công nghệ, đầu tư, xây dựng cơ bản, thiết bị, sản xuất. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về công tác được phân công.

3.2.7. Nhà máy Thủy điện Nước Trong

Nhà máy Thủy điện Nước Trong chịu trách nhiệm toàn bộ về công tác sản xuất, quản lý tài sản, vận hành, sửa chữa, hệ thống thiết bị công nghệ tại nhà máy thủy điện, đảm bảo sản xuất an toàn hiệu quả theo đúng phương thức và quy trình quy phạm và quy định của công ty.

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển:

- Bên cạnh mục tiêu duy trì và phát triển hoạt động của nhà máy thủy điện Nước Trong trong các năm sắp tới, trong năm 2024 và những năm tiếp theo Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu, đầu tư vào các dự án năng lượng như: thủy điện, năng lượng mặt trời,... có tiềm năng, nhằm mang lại lợi ích cao và mở rộng phát triển của công ty.

- Xác định được yếu tố con người là nhân tố quan trọng tạo nên thành công, chính vì vậy Công ty không ngừng đầu tư vào chiến lược phát triển nhân sự, thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo nhân viên kỹ thuật lành nghề để chủ động tiếp cận những thông tin mới nhất về sản phẩm, kỹ thuật, công nghệ mới và xu hướng thị trường. Từ chỗ phải thuê các chuyên gia trong nước và nước ngoài làm tư vấn, thiết kế công trình; chỉ đạo thi công xây lắp và trực tiếp căn chỉnh máy móc, thiết bị kỹ thuật quan trọng, chạy thử liên động hoặc có tải cũng như công tác sửa chữa máy móc của Nhà máy thủy điện; đến nay các chuyên gia cán bộ kỹ thuật và công nhân giỏi nghề, giàu kinh nghiệm của Công ty đã cơ bản đảm trách được công việc một cách an toàn, hiệu quả.

- Hiện tại sản phẩm chính của Công ty là điện thương phẩm và việc tiêu thụ điện đã

được đảm bảo bởi Hợp đồng mua bán điện dài hạn được ký giữa Công ty và Tổng Công ty điện lực Miền Trung. Do đó các hoạt động marketing của Công ty trong tương lai gần chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực khác mà Công ty đang dự định hướng đến.

- Phương châm của Công ty trong xây dựng mối quan hệ khách hàng là uy tín, cam kết chất lượng sản phẩm, hỗ trợ lẫn nhau tìm giải pháp để cùng tháo gỡ khó khăn trong kinh doanh. Công ty cũng chú trọng nâng cao hình ảnh thương hiệu của mình thông qua các kênh thông tin đại chúng như báo chí, phát thanh và truyền hình địa phương khi tổ chức các sự kiện quan trọng của Công ty cũng như chú trọng cập nhật website của Công ty.

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Thời tiết: Đặc thù của Công ty là hoạt động trong lĩnh vực thủy điện do đó điều kiện thời tiết là yếu tố rủi ro ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, các thiên tai khác như động đất, lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường sá và các công trình đê đập, hồ chứa,... gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

- Thị trường tiêu thụ: sản lượng điện phát ra tại các nhà máy đều bán cho một khách hàng duy nhất là Tổng Công ty Điện lực Miền trung (CPC) nên các rủi ro về yếu tố cạnh tranh, thị trường tiêu thụ ở thời điểm hiện tại không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty.

- Nhu cầu điện hiện nay: do nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nhanh nên nhu cầu điện cao hơn so với nguồn cung sản xuất điện. Tuy nhiên trong trường hợp nền kinh tế quốc gia không ổn định sẽ ảnh hưởng tới nhu cầu sử dụng điện năng đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất.

- Giá bán điện: đây là yếu tố ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh. Hiện nay biểu giá bán điện cho EVN được nhà nước ban hành từng năm và phụ thuộc nhiều vào chính sách điều hành vĩ mô của nhà nước.

5.2. Rủi ro thực hiện các mục tiêu của Công ty:

- Khủng hoảng tài chính, biến động trong chính sách điều hành vĩ mô: quá trình triển khai các dự án trọng điểm của Công ty sẽ hoàn tất theo đúng tiến độ khi không có biến động về chính sách quản lý của nhà nước trong lĩnh vực xây dựng công trình thủy điện như: thủ tục pháp lý, cấp phép đầu tư, vận hành khai thác... Trong trường hợp các vấn đề trên có biến động theo chiều hướng xấu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ xây dựng và hoàn thành các nhà máy thủy điện.

- Biến động lãi suất, tỷ giá sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư phát triển mới các nhà máy thủy điện.

5.3. Các rủi ro khác:

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

T T	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2023	TH năm 2023	TH năm 2022	So sánh TH2023/ KH2023	So sánh TH2023/ TH2022
A	B	C	1	2	3	4=2/1	5=2/3
1	Điện thương phẩm	Tr.kwh	67,83	96,27	112,65	141,93%	85,46%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	90,32	116,31	134,47	128,78%	86,50%
3	Tổng Chi phí	Tỷ đồng	54,52	58,18	61,75	106,71%	94,23%
4	LN trước thuế TNDN	Tỷ đồng	35,79	58,13	72,72	162,40%	79,93%
5	Thuế TNDN	Tỷ đồng	1,81	2,94	3,67	162,31%	80,25%
6	LN sau thuế TNDN	Tỷ đồng	33,98	55,18	69,05	162,41%	79,91%

Năm 2023 có thời tiết không thuận lợi bằng năm 2022, vì vậy Nhà máy thủy điện Nước Trong phát điện với các chỉ tiêu đạt được giảm so với năm 2022. Tổng doanh thu thực hiện năm 2023 đạt 128,78% so với kế hoạch và đạt 86,50% so với thực hiện năm 2022.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ngô Trung Dũng	Giám đốc
2	Lê Văn Hưng	Phó Giám đốc
3	Trần Đức Nhật	Kế toán trưởng

2.1.1 Ông Ngô Trung Dũng – Giám Đốc

Họ và tên: **NGÔ TRUNG DŨNG**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 24/06/1975
Nơi sinh: Đông Đa – Hà Nội
CCCD: 001075049559, ngày cấp: 27/12/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về Trật tự xã hội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú: Tổ 2 phường Nghĩa Lộ - TP Quảng Ngãi – tỉnh Quảng Ngãi.
Số ĐT liên lạc: 0986031122

Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
08/2000 – 02/2004	Kế toán trưởng - Công ty TNHH Giao Thủy
02/2004 – 31/12/2022	Kế toán trưởng - Công ty CP Thủy điện Nước Trong
12/2016 – 31/12/2022	Phó Giám đốc phụ trách Tài chính - Công ty CP Thủy điện Nước Trong
01/2023 – nay	Giám đốc CTCP Thủy điện Nước Trong

Chức vụ công tác tại Công ty: Giám đốc
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
Số CP nắm giữ (thời điểm 12/03/2024): 112.881 cổ phiếu, chiếm 1,04% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu: 112.881 cổ phiếu, chiếm 1,04% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo (Vợ): sở hữu 45.000 cổ phiếu, chiếm 0,42% vốn điều lệ.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

2.1.2 Ông Lê Văn Hưng – Phó Giám Đốc

Họ và tên: LÊ VĂN HƯNG
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 08/04/1987
Nơi sinh: xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi
CMND: 212681056, ngày cấp: 21/12/2016, nơi cấp: Công an Quảng Ngãi
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú: xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.
Số điện thoại: 0906496749
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện – Điện tử
Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
10/2005 - 10/2010	Sinh viên - Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP Hồ Chí Minh
01/2011 - 09/2012	Nhân viên Phòng Quản lý dự án - CTCP Thủy điện Nước Trong
09/2012 - 12/2015	Trưởng ca vận hành tại Nhà máy thủy điện Nước Trong - Công ty CP Thủy điện Nước Trong
12/2015 - 09/2016	Phó Quản đốc Nhà máy thủy điện Nước Trong - Công ty CP Thủy điện Nước Trong
10/2016 - 02/2020	Quản đốc Nhà máy thủy điện Nước Trong - Công ty CP Thủy điện Nước Trong
01/2020 - nay	Phó Giám đốc Kỹ thuật kiêm TP KH-KT của CTCP Thủy điện Nước Trong

Chức vụ công tác tại Công ty:	Phó Giám đốc Kỹ thuật kiêm TP Kế hoạch - Kỹ thuật
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có.
Số CP nắm giữ (thời điểm 12/03/2024):	15.664 cổ phiếu, chiếm 0,15% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	15.664 cổ phiếu, chiếm 0,15% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có

2.1.3 Ông Trần Đức Nhật –Kế toán trưởng

Họ và tên:	TRẦN ĐỨC NHẬT
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	10/10/1980
Nơi sinh:	Quảng Trị
CCCD:	045080003021, ngày cấp: 10/08/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về Trật tự xã hội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Cam Lộ, Quảng Trị
Địa chỉ thường trú:	Lô 3 - N3.14 An Phú Sinh, Phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
Số ĐT liên lạc:	0987760011
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
03/2004 - 03/2006	Kế toán viên - CTCP Thủy điện Nước Trong
04/2006 - 12/2006	Quản lý công trường - Công ty TNHH Giao thủy
01/2007 - 02/2012	Kế toán viên - Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi
03/2012 - 12/2022	Kế toán viên - CTCP Thủy điện Nước Trong
01/2023 - nay	Kế toán trưởng - CTCP Thủy điện Nước Trong

Chức vụ công tác tại Công ty:	Kế toán trưởng
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Số CP nắm giữ (thời điểm 12/03/2024):	5 cổ phiếu, chiếm 0,00005% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	5 cổ phiếu, chiếm 0,00005% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm 2023 không có thay đổi.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên tại thời điểm 31/12/2023.

Yếu tố	Số lượng	Tỷ lệ
Phân loại theo trình độ lao động	28	100%
+ Đại học	08	29%
+ Cao đẳng	04	14%
+ Trung cấp	11	39%
+ Lao động phổ thông	05	18%

- Chính sách đối với người lao động:

+ Quan tâm đến chế độ, đời sống CBCNV, tạo điều kiện để hoạt động thuận lợi và phối hợp tốt với công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác.

+ Chú trọng việc đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật lành nghề vì đó là nhân tố quan trọng trong việc tồn tại và phát triển một doanh nghiệp.

+ Cam kết và đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật lao động như: ký kết hợp đồng lao động, đóng BHYT, BHXH, BHTN, khám sức khỏe định kỳ hàng năm, trang bị bảo hộ lao động, tổ chức cho CBCNV tham quan du lịch hàng năm.

+ Quan tâm, tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được bồi dưỡng, học tập nâng cao kiến thức về trình độ chuyên môn bằng cách thức phù hợp như đào tạo tại chỗ,

gửi đi các khóa đào tạo chuyên môn ngắn và dài hạn trong nước; tạo điều kiện cho cán bộ kỹ thuật thâm nhập thực tế ở các nhà máy thủy điện có quy mô tương tự Nhà máy thủy điện Nước Trong nhằm tích lũy và nâng cao trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc.

+ Chính sách lương thưởng: Trả lương cho CBCNV theo công việc. Thưởng theo kết quả SXKD của Công ty và dựa trên kết quả thi đua trong lao động sản xuất của từng cá nhân

+ Ngoài tiền lương, Công ty khuyến khích lao động bằng khoản thưởng vào ngày lễ, tết và các dịp đặc biệt và các chính sách phúc lợi, trợ cấp bao gồm: thăm ốm đau, thai sản, tặng quà hoặc hiện kim ngày sinh nhật, kết hôn ... và các chế độ khác áp dụng theo quy định của Bộ Luật Lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có.
b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	241.923,1	234.601,6	-3,03%
Doanh thu thuần	134.307,1	115.837,0	-13,75%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	72.733,3	58.134,5	-20,07%
Lợi nhuận khác	-10,9	-6,5	
Lợi nhuận trước thuế	72.722,4	58.128,0	-20,07%
Lợi nhuận sau thuế	69.054,1	55.184,4	-20,09%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			
- Cổ tức bằng cổ phiếu			
- Cổ tức bằng tiền	45% (*)	45% (**)	0%

(*) Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 số 12/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023 đã thông mức chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 45% mệnh giá cổ phần, Công ty đã hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền cho cổ đông.

(**) Dự kiến thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024: Tỷ lệ cổ tức bằng tiền năm 2023 là 45%, cụ thể sẽ được chính thức thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

- Các chỉ tiêu khác:

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
▪ Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,95	0,86	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio:			

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
▪ (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,94	0,85	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,27	0,24	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,36	0,32	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
▪ Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	145,87	84,30	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,56	0,49	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,51	0,48	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,39	0,31	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,29	0,24	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,54	0,5%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

Đến thời điểm 12/03/2024, cổ phần đang lưu hành như sau:

- Tổng số cổ phần: 10.802.053 cổ phần
- Loại cổ phần lưu hành: Cổ phần phổ thông
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 10.802.053 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	142	10.799.553	99,924%
	- Pháp nhân	-	-	-
	- Cá nhân	142	10.793.853	99,924%
2	Cổ đông nước ngoài	6	2.500	0,0231%
	- Pháp nhân	1	7.200	0,067%
	- Cá nhân	5	1.000	0,0009%
3	Cổ phiếu quỹ		-	-
	Tổng cộng	148	10.802.053	100%

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

Tại thời điểm 12/03/2024, danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty như sau:

TT	Tên cổ đông	Số CMND/ CCCD	Địa chỉ	SLCP	Tỷ lệ %/SLCP đang lưu hành
1	Bùi Thị Sâm	210100128	20 Nguyễn Tự Tân, Quảng Ngãi	708.127	6,56%
2	Nguyễn Văn Cao	027055000220	92 Nguyễn Hữu Cảnh, (A4-14), P22, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	2.001.145	18,53%
3	Trần Minh Hòa	212055919	09 Trần Quang Diệu, P.Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	750.029	6,94%
4	Võ Thụy Vân Khanh	024698321	29 Thảo Điền, P.Thảo Điền, Q.2, TP Hồ Chí Minh	1.098.900	10,17%
5	Đình Thị Hiền	281147160	Phường Tân Đông Hiệp – Thị xã Dĩ An – tỉnh Bình Dương	664.413	6,15%
@	TỔNG CỘNG			5.222.614	48,35%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có.
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Đặc thù của nhà máy thủy điện là sử dụng chiều cao cột nước (thế năng) để sản xuất điện năng nên nguyên vật liệu chính là nguồn nước. Sau khi được sử dụng để phát điện, nguồn nước được trả về lại với tự nhiên. Ngoài ra, trong quá trình vận hành Công ty có phát sinh nguồn vật tư thiết bị phục vụ công tác duy tu, sửa chữa. Việc sử dụng vật tư thiết bị được Công ty quản lý sử dụng một cách tiết kiệm hiệu quả trong sản xuất kinh doanh nhằm mang lại lợi nhuận cao nhất.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

Các trang thiết bị điện trong các phòng ban khi không có người làm việc ở trong phòng đều phải tắt hết điện; máy photocopy, máy in chỉ được sử dụng cho công việc của cơ quan, không được dùng cho việc riêng cá nhân; khi cải tạo hoặc trang bị mới phải sử dụng phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng hiệu suất cao theo quy định hoặc thiết bị sử dụng điện có dán nhãn tiết kiệm năng lượng...

6.4 Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sử dụng nguồn nước từ hồ chứa nước Nước Trong để sản xuất, với tỷ lệ tái sử dụng nước là 100%. Công ty luôn nhận thức sự quý giá của nguồn nước đến hoạt động kinh doanh của Công ty và môi trường sống. Công ty thường xuyên nhắc nhở CBCNV sử dụng nước đúng mục đích và nêu cao ý thức tiết kiệm trong toàn Công ty. Các năm sắp tới, Công ty tiếp tục sắp xếp kế hoạch sử dụng khoa học để giảm tiêu hao nước; tăng năng suất hoạt động từ đó giảm tiêu hao nước. Đồng thời thiết kế hệ thống cấp nước hoàn chỉnh, hệ thống xử lý nước đạt chuẩn và tái sử dụng nguồn nước một cách hiệu quả.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường trong toàn Công ty. Nhờ thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường mà nhiều năm qua, Công ty luôn đảm bảo an toàn trong sản xuất, giữ gìn cảnh quang sạch đẹp tại các nhà máy thủy điện và văn phòng làm việc. Trong năm, Công ty cũng luôn cập nhật các văn bản pháp luật liên quan, đánh giá sự ảnh hưởng của hoạt động của Công ty đến môi trường.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

Chính sách tuyển dụng

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu công việc, căn cứ vào kế hoạch hoạt động, các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn mà Công ty có kế hoạch tuyển dụng nhân sự;

- Việc tuyển dụng được thông báo công khai trên website của công ty, đến các nguồn cung ứng lao động bên ngoài và trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đảm bảo tính công bằng, minh bạch, và bình đẳng cho mọi ứng viên phù hợp;
- Mỗi vị trí, chức danh công việc thuộc các ngành nghề tuyển dụng phù hợp với nhu cầu tuyển dụng đều có tiêu chí, tiêu chuẩn tuyển dụng riêng và được thực hiện theo đúng Quy trình tuyển dụng của Công ty.

Chính sách đào tạo

- Với phương châm đào tạo phải gắn liền với mục tiêu, chiến lược phát triển của Công ty và các đơn vị, Công ty đã tổ chức các khóa đào tạo để củng cố nâng cao năng lực về quản trị, chuyên môn, nghiệp vụ. Các chương trình đào tạo chuyên sâu định hướng phát triển chuyên gia và nhiều chương trình đào tạo các chức danh vận hành, sửa chữa;
- Công ty sẽ kiện toàn công tác bồi dưỡng, thi và sát hạch nghề theo quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Trong đó, Tổ phụ trách công tác đào tạo sẽ tham mưu lập chương trình đào tạo, đề cương, đáp án và quy định tiêu chí đối với cán bộ phụ trách kèm cặp công nhân thi nâng bậc;
- Để tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng đào tạo,.. Công ty đẩy mạnh công tác đào tạo nội bộ. Các chuyên đề giảng dạy sẽ được chia sẻ và tham khảo thêm của các đơn vị bạn trong ngành điện để ngày càng hoàn thiện hơn, đáp ứng nhu cầu đào tạo thực tế tại Công ty.

Chính sách lương thưởng và phúc lợi cho người lao động

- Được hưởng các chế độ phúc lợi theo Quy định của Công ty, bao gồm thưởng các ngày lễ theo quy định của Công ty, hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo Luật của nhà nước và Công ty;
- Thời giờ làm việc, nghỉ ngơi: Theo chế độ ca, kíp của nhà máy;
- Được làm việc trong môi trường năng động, có nhiều cơ hội để phát triển bản thân.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:

T T	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2023	TH năm 2023	TH năm 2022	So sánh TH2023/ KH2023	So sánh TH2023/ TH2022
A	B	C	1	2	3	4=2/1	5=2/3
1	Điện thương phẩm	Tr.kwh	67,83	96,27	112,65	141,93%	85,46%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	90,32	116,31	134,47	128,78%	86,50%
3	Tổng Chi phí	Tỷ đồng	54,52	58,18	61,75	106,71%	94,23%
4	LN trước thuế TNDN	Tỷ đồng	35,79	58,13	72,72	162,40%	79,93%
5	Thuế TNDN	Tỷ đồng	1,81	2,94	3,67	162,31%	80,25%
6	LN sau thuế TNDN	Tỷ đồng	33,98	55,18	69,05	162,41%	79,91%

Năm 2023 có thời tiết không thuận lợi bằng năm 2022, vì vậy Nhà máy thủy điện Nước Trong phát điện với các chỉ tiêu đạt được giảm so với năm 2022. Tổng doanh thu thực hiện năm 2023 đạt 128,78% so với kế hoạch và đạt 86,50% so với thực hiện năm 2022.

Kết quả thực hiện một số nội dung quan trọng trong năm 2023:

- Luôn chủ động trong công tác vận hành an toàn máy móc thiết bị, thực hiện công tác kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng và vận hành thiết bị cơ điện nhà máy, trạm biến áp, đường dây và các hạng mục công trình thủy công... đảm bảo nhà máy thủy điện vận hành liên tục, không để sự cố do chủ quan xảy ra.

- Thực hiện phương án phối hợp điều tiết nguồn nước, đảm bảo để nâng cao hiệu quả vận hành, tăng tối đa doanh thu của nhà máy;

- Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo đến các Sở Ban ngành để đảm bảo công tác vận hành theo đúng quy định của pháp luật.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% Tăng/giảm
I	TÀI SẢN			
1	Tài sản ngắn hạn	37.620,0	48.738,4	29,6%
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	6.942,1	32.156,9	363,2%
1.2	Các khoản phải thu ngắn hạn	30.068,1	15.824,8	-47,4%
1.3	Hàng tồn kho	459,7	717,4	56,1%
1.4	Tài sản ngắn hạn khác	150,3	39,4	-73,8%
2	Tài sản dài hạn	204.303,1	185.863,3	-9,0%
2.1	Tài sản cố định	202.918,6	183.213,3	-9,7%
2.2	Tài sản dở dang dài hạn	5,0	111,3	2125,0%
2.3	Tài sản dài hạn khác	1.379,4	2.538,7	84,0%
	Tổng cộng tài sản	241.923,1	234.601,7	-3,0%

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% Tăng/giảm
II	NGUỒN VỐN			
1	Nợ phải trả	64.521,8	56.808,8	-12,0%
1.1	Nợ ngắn hạn	39.531,8	56.808,8	43,7%
2.2	Nợ dài hạn	24.990,0		-100,0%
2	Vốn chủ sở hữu	177.401,3	177.792,8	0,2%
2.1	Vốn góp của chủ sở hữu	108.020,5	108.020,5	0,0%
2.2	Quỹ đầu tư phát triển	12.282,2	15.041,4	22,5%
2.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	57.098,6	54.730,9	-4,1%
	Tổng cộng nguồn vốn	241.923,1	234.601,7	-3,0%

Tài sản dài hạn của Công ty chiếm 79,23% trong Tổng tài sản, phản ánh đúng đặc thù của doanh nghiệp thủy điện khi phần lớn tài sản của Công ty nằm trong các tài sản cố định như công trình, máy móc, thiết bị. So với năm 2022, tài sản dài hạn năm 2023 đạt giá trị 185,9 tỷ đồng, giảm 9% so với cùng kỳ.

Tính đến cuối năm 2023, tài sản ngắn hạn của Công ty đạt 48,74 tỷ đồng, tăng 29,6% so với năm 2022. Nguyên nhân bởi vì phần lớn Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 363,2%.

b) Tình hình nợ phải trả:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% Tăng/giảm
I	Nợ ngắn hạn	39.531,8	56.808,8	43,7%
1	Phải trả người bán ngắn hạn	2.845,8	1.809,3	-36,4%
2	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.079,3	5.264,8	3,7%
3	Phải trả người lao động	1.567,4	1.743,2	11,2%
4	Phải trả ngắn hạn khác	1.538,6	11.226,7	629,7%
5	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24.974,0	31.233,5	25,1%
6	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.526,8	5.531,4	56,8%
II	Nợ dài hạn	24.990,0		-100,0%
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24.990,0		-100,0%
	Tổng cộng Nợ phải trả	64.521,8	56.808,8	-12,0%

Cơ cấu nợ vay của Công ty trong năm 2023 có sự thay đổi đáng kể khi tỷ trọng nợ dài hạn chiếm 0% tổng nợ phải trả (so với năm 2022 là 38,73%). Trong năm 2023, nợ dài hạn của Công ty là 0 tỷ đồng, giảm 100% so với năm 2022, nguyên nhân do Công ty đã hoàn tất chi trả các khoản nợ vay đến hạn trả.

Nợ phải trả năm 2023 giảm 12% so với năm 2022.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Sắp xếp, bố trí nhân sự hợp lý, phù hợp với khả năng và sở trường của từng người để tăng năng suất lao động.
- Thực hiện chủ trương tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có ý kiến kiểm toán.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Bảo vệ môi trường luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu của Công ty trong mọi phương hướng kế hoạch hoạt động hằng năm. Công ty luôn hướng đến các hoạt động sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường thông qua việc phổ biến, tuyên truyền với các cấp lãnh đạo, CBCNV, và người dân địa phương. Tổ chức các buổi hội thảo, qua đó thảo luận, đề xuất các biện pháp cải thiện công tác bảo vệ môi trường và xử lý chất thải ngày càng tốt hơn. Công ty tổ chức phân loại chất thải không chỉ trong khu vực sản xuất kinh doanh mà còn tại các khu nhà trực vận hành để từng CBCNV và người thân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, đảm bảo mỹ quan tại nơi làm việc và nơi ở.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty coi con người là yếu tố trung tâm trong việc xây dựng và hình thành doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty luôn đồng hành cùng Ban điều hành, phối hợp với các đoàn thể để thực hiện tốt chức năng đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động. Chăm lo đời sống tinh thần lẫn vật chất của người lao động cũng như tích cực tham gia quản lý, xây dựng mối quan hệ bền vững, hài hòa trong Công ty. Công ty luôn cung cấp đầy đủ các chế độ ưu đãi và thực hiện tốt việc chi trả lương, thưởng, cấp phát bảo hộ lao động theo đúng quy định, tham gia mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả CBCNV, và tổ chức khám sức khỏe định kỳ. Ngoài ra, thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về công tác đảm bảo an toàn vệ sinh lao động; kiểm tra, giám sát, chủ động áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro, nguy cơ gây tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trách nhiệm đối với cộng đồng là một chính sách nhất quán thể hiện mối quan hệ tương thân tương ái giữa doanh nghiệp và địa phương. Công ty luôn chú trọng công tác chăm lo tốt cho các hộ nghèo, cận nghèo trên tại địa phương. Những món quà, suất hỗ trợ được Công ty gửi tặng để động viên, giúp các hộ dân đang còn khó khăn có cuộc sống đầm ấm, an vui.

300
ON
OF
UY
OC
VGA

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong năm 2023, cơ cấu nhân sự của Hội đồng quản trị Công ty CP Thủy điện Nước Trong bao gồm 05 thành viên:

- | | | |
|------------------------|--------------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Văn Cao | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 27/05/2022 |
| • Ông Nguyễn Đình Thọ | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 27/05/2022 |
| • Ông Phạm Phong Thành | Thành viên độc lập | Bổ nhiệm lại ngày 27/05/2022 |
| • Bà Võ Thị Vân Khanh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27/05/2022 |
| • Ông Trần Minh Huy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27/05/2022 |

- HĐQT đã thực hiện quản lý Công ty theo Điều lệ của Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và quy định của pháp luật.
- Năm 2023, Hội đồng quản trị đã ban hành 09 Nghị quyết thông qua các hình thức tổ chức các phiên họp và lấy ý kiến bằng bản thảo để thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ đề ra, hoạch định chiến lược, đưa ra các quyết định, chỉ đạo kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty; đồng thời thường xuyên trao đổi qua các phương tiện thông tin liên lạc để thống nhất giải quyết các vấn đề về điều hành SXKD.
- Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định và mời Trưởng Ban kiểm soát tham dự. Các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự.
- HĐQT đã trực tiếp thảo luận, quyết định các nội dung trình ĐHĐCĐ biểu quyết tại các kỳ Đại hội.
- Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền; phê duyệt các Tờ trình của Giám đốc và nghe Giám đốc báo cáo, giải trình về kế hoạch SXKD của Công ty.
- Thực hiện đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đề ra; đồng thời chỉ đạo Ban điều hành Công ty thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT.
- Đưa ra các định hướng chiến lược cho hoạt động SXKD năm 2023 của Công ty nhằm thực hiện các chỉ tiêu ĐHĐCĐ đề ra.
- Đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền với tổng số là 35%/cổ phiếu:
 - + Chi trả cổ tức năm 2022: 25%/cổ phiếu
 - + Tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2023: 10%/cổ phiếu*(Phần cổ tức còn lại theo kế hoạch năm 2023: Tạm ứng lần 2 là 10%/cổ phiếu ngày 11/01/2024, Tạm ứng lần 3 là 10%/cổ phiếu ngày 27/03/2024)*
- Chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Kế toán AAC làm đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính soát xét 06 tháng và Báo cáo tài chính năm 2023.
- Hoàn thiện sơ đồ tổ chức hoạt động, điều chỉnh hệ thống văn bản điều hành tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động của Công ty.
- Tính toán các phương án để nâng cao tự động hóa tại Nhà máy thủy điện Nước Trong nhằm tối ưu hoạt động sản xuất của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Trong năm 2023 Công ty đã ban hành thay thế và bổ sung các văn bản lập quy nhằm tạo hành lang pháp lý giúp công tác quản trị và điều hành của Công ty quản lý

được rủi ro.

- Ban giám đốc Công ty đã thực hiện đúng phạm vi trách nhiệm và quyền hạn đã được quy định tại Điều lệ Công ty; phối hợp chặt chẽ với HĐQT triển khai thực hiện các nội dung nhiệm vụ kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023 và các chủ trương của HĐQT.

- Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đã được Ban điều hành triển khai thực hiện kịp thời, đúng yêu cầu như: ban hành một số quy trình nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy của Công ty.

- Ban Điều hành đã triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, đạt được kết quả như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2023	TH năm 2023	So sánh TH2023/ KH2023
A	B	C	1	2	3=2/1
1	Điện thương phẩm	Tr.kwh	67,83	96,27	141,93%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	90,32	116,31	128,78%
6	LN sau thuế TNDN	Tỷ đồng	33,98	55,18	162,41%

- Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và xem xét dòng tiền hiện tại, trong năm 2023 Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền là 35%/cổ phiếu như sau:

+ Chi trả cổ tức năm 2022: 25%/cổ phiếu

+ Tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2023: 10%/cổ phiếu

(Phần cổ tức còn lại theo kế hoạch năm 2023: Tạm ứng lần 2 là 10%/cổ phiếu ngày 11/01/2024, Tạm ứng lần 3 là 10%/cổ phiếu ngày 27/03/2024)

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2024:

3.1. Giải pháp trong lĩnh vực SXKD, quản lý vận hành nhà máy thủy điện:

- Tập trung chỉ đạo việc sản xuất điện năng để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Chú trọng đầu tư cho phát triển công nghệ, nâng cấp hệ thống hạ tầng - công nghệ cho Công ty để từng bước đáp ứng với nhu cầu quản lý hiện đại và phù hợp với mức độ tăng trưởng của Công ty.
- Thực hiện duy tu bảo dưỡng, thí nghiệm định kỳ các thiết bị đầy đủ và đúng quy định hiện hành vào thời gian thích hợp để sẵn sàng cho việc phát điện và giảm thiểu suất sự cố xảy ra.
- Chấp hành tốt các quy trình, quy phạm trong công tác quản lý vận hành nhà máy thủy điện và các quy định trong an toàn điện.
- Tính toán tối ưu phát điện, trong đó tập trung vào việc phân tích, dự báo mực nước để phát điện đạt kết quả tối ưu, kết hợp với tính toán hiệu quả kinh tế phát điện vào giờ cao điểm, sử dụng kết quả phân tích để điều chỉnh phương án phát điện trong các trường hợp cụ thể.
- Thường xuyên theo dõi, cập nhật các thông tin về thời tiết, thủy văn trên địa bàn và các khu vực thượng lưu để chủ động trong hoạt động phát điện.

3.2. Công tác tài chính:

Đảm bảo công tác thanh khoản và thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ bán điện; trả gốc, lãi vay ngân hàng theo đúng kỳ hạn.

3.3. Công tác quản trị nhân lực:

- Tạo điều kiện về môi trường làm việc chuyên nghiệp, cơ hội phát triển bản thân và thu nhập cạnh tranh để thu hút nhân tài, người có chuyên môn, có trình độ năng lực, có kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty .
- Thường xuyên đánh giá năng lực và khả năng của CBNV để bố trí công việc phù hợp; mạnh dạn đề bạt những cán bộ trẻ, có trình độ, nhiệt huyết vào những vị trí quản lý.
- Thực hiện chính sách khen thưởng công bằng, linh hoạt. Xem khen thưởng là sự chia sẻ thành công của doanh nghiệp đối với người lao động.

3.4. Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản:

- Nâng cấp cải tạo hệ thống máy vi tính điều khiển vận hành tại phòng Điều khiển trung tâm NMTĐ Nước Trong.
- Đầu tư Hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy đáp ứng tiêu chuẩn của hồ sơ Giấy phép môi trường để hoàn thành thủ tục xin cấp Giấy phép môi trường,...

3.5. Các công tác khác:

- Chỉ đạo Ban điều hành bám sát và thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản điều hành, tạo hành lang pháp lý vững mạnh cho Công ty.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ và tổ chức các cuộc họp giao ban với Ban điều hành khi cần thiết để giám sát hoạt động và đảm bảo việc tuân thủ đúng các quyết định của HĐQT.
- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin định kỳ và bất thường cho cổ đông và công chúng theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Với những định hướng nêu trên, trong năm 2024: Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục tăng cường chỉ đạo và giám sát chặt chẽ hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho cổ đông, từng bước chăm lo hơn nữa đến đời sống của CBCNV của Công ty.

Để hoàn thành những mục tiêu chung, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Nước Trong mong muốn nhận được sự ủng hộ và gắn bó lâu dài của Quý cổ đông, các đối tác và toàn thể CBCNV Công ty.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

Dựa trên tình hình thực tế về thời tiết, Hội đồng quản trị Công ty đã xây dựng, định hướng một số chỉ tiêu cơ bản Kế hoạch SXKD năm 2024 như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024
1	Tổng sản lượng điện thương phẩm	Tr.kwh	96,27	68,31
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	116,31	90,90
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	58,18	51,41
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	58,13	39,49
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	2,94	2,00
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	55,18	37,49

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

- Thành viên và cơ cấu:

STT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu (*)
1	Nguyễn Văn Cao	Chủ tịch HĐQT	2.001.145	18,53%
2	Nguyễn Đình Thọ	Thành viên HĐQT	503.631	4,66%
3	Trần Minh Huy	Thành viên HĐQT	216.900	2,01%
4	Võ Thụy Vân Khanh	Thành viên HĐQT	1.098.900	10,17%
5	Phạm Phong Thành	Thành viên HĐQT độc lập	100	0,001%

(*) Theo danh sách cổ đông do VSDC chốt ngày 12/03/2024.

Cơ cấu thành viên HĐQT tại ngày 31/12/2023.

1.1. Ông Nguyễn Văn Cao – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: **NGUYỄN VĂN CAO**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 12/08/1955
Nơi sinh: Từ Sơn – Bắc Ninh
CCCD: số 027055000220, ngày cấp: 18/03/2019, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về Trật tự xã hội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Từ Sơn – Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú: 92 Nguyễn Hữu Cảnh, (A4-14), Phường 22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Số ĐT liên lạc: 0914105455
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông nghiệp

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
02/1978 - 12/1988	Cán bộ - Phân viện Quy hoạch – thiết kế nông nghiệp
01/1989 - 08/2015	Thành viên HĐQT, Phó TGD - CTCP Xây dựng – Địa ốc Cao su
11/2007 – 04/2022	Thành viên HĐQT - Công ty CP Thủy điện Nước Trong
04/2022 – nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Thủy điện Nước Trong

Chức vụ công tác tại Công ty: Chủ tịch HĐQT
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
Số CP nắm giữ (thời điểm 12/03/2024): 2.001.145 cổ phiếu, chiếm 18,53% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	2.001.145 cổ phiếu, chiếm 18,53% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan:	- Nguyễn Thị Kim Hoa (Vợ): sở hữu 165.134 cổ phiếu, chiếm 1,53% vốn điều lệ. - Nguyễn Thị Thùy An (Con gái): sở hữu 170.600 cổ phiếu, chiếm 1,58% vốn điều lệ. - Nguyễn Cao Nguyên (Con trai): sở hữu 367.283 cổ phiếu, chiếm 3,40% vốn điều lệ. - Nguyễn Văn Hiến (Em trai): sở hữu 254.700 cổ phiếu, chiếm 2,36% vốn điều lệ. - Nguyễn Thị Sinh (Em gái): sở hữu 20.000 cổ phiếu, chiếm 0,19% vốn điều lệ. - Trần Thị Định (Em dâu): sở hữu 40.700 cổ phiếu, chiếm 0,38% vốn điều lệ.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Hành vi phạm pháp luật:	Không có

1.2. Ông Nguyễn Đình Thọ – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:	NGUYỄN ĐÌNH THỌ
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	01/05/1956
Nơi sinh:	Xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
CCCD:	025056006386, ngày cấp: 17/06/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Sơn Vi, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
Địa chỉ thường trú:	31 Hoàng Văn Thụ, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Số điện thoại:	0988651887
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Trung cấp Cơ khí
Quá trình công tác:	

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
11/1976 – 01/1981	Cán bộ Kỹ thuật - Công ty Xây dựng 47
02/1981 – 12/1989	Đội phó Đội thi công Cơ giới - Công ty Xây dựng 47.
01/1990 – 12/2018	Giám đốc Xí nghiệp 7, Giám đốc Điều hành Mô - Công ty CP Xây dựng 47.
07/2017- nay	Thành viên HĐQT - Công ty CP Thủy điện Nước Trong

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
 Số CP nắm giữ (thời điểm 12/03/2024): 503.631 cổ phiếu, chiếm 4,66% vốn điều lệ
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 + Cá nhân sở hữu: 503.631 cổ phiếu, chiếm 4,66% vốn điều lệ
 Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan: - Nguyễn Thị Bích Hồng (Con gái): sở hữu 140 cổ phiếu, chiếm 0,0013% vốn điều lệ.
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

1.3. Ông Trần Minh Huy – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: **TRẦN MINH HUY**
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 19/12/1987
 Nơi sinh: Bình Định
 CCCD: 052087000297, ngày cấp 03/07/2019, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTHX
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Phổ Thuận - Đức Phổ - Quảng Ngãi
 Địa chỉ thường trú: 45 Đường 12, KDC Him Lam, P. Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
 Số ĐT liên lạc: 0915598907
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
2012-2014	Chuyên viên Phòng Quan hệ khách hàng doanh nghiệp BIDV
2015-2016	Chuyên viên phân tích dự án, Công ty CP phát triển BD Phát Đạt
2016-2018	Chuyên viên phụ trách tài chính Công ty TNHH Dulege Fire Protection Việt Nam
5/2022 – nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy điện Nước Trong

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.
 Số CP nắm giữ (thời điểm 12/03/2024): 216.900 cổ phiếu, chiếm 2,01% vốn điều lệ
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 216.900 cổ phiếu, chiếm 2,01% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan: - Nguyễn Thị Thảo Vương (Vợ): sở hữu 30.900 cổ phiếu, chiếm 0,29% vốn điều lệ
 - Trần Minh Hòa (Bố đẻ): sở hữu 750.029 cổ phiếu, chiếm 6,94% vốn điều lệ
 - Hồ Thị Sương (Mẹ đẻ): sở hữu 34.100 cổ phiếu, chiếm 0,32% vốn điều lệ

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi phạm pháp luật: Không có

1.4. Bà Võ Thụy Vân Khanh – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: **VÕ THỤY VÂN KHANH**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 15/11/1977

Nơi sinh: Tiền Giang

CCCD: 082177000816, ngày cấp 18/11/2019, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tiền Giang

Địa chỉ thường trú: 29 Thảo Điền, P. Thảo Điền, TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh.

Số ĐT liên lạc: 0903959900

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
2003-2006	Trưởng phòng Công ty CP Nhà đất Đô thị mới
2006-2021	Giám đốc Công ty Bất động sản Nhà Tôi
2016-2017	Phó giám đốc Công ty Bất động sản Khải Hoàn Land
5/2022 – nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy điện Nước Trong

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.

Số CP nắm giữ (thời điểm 12/03/2024): 1.098.900 cổ phiếu, chiếm 10,17% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 1.098.900 cổ phiếu, chiếm 10,17% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan: Nguyễn Thị Tuyết (mẹ đẻ): sở hữu 116.761 cổ phiếu, chiếm 1,08% vốn điều lệ

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi phạm pháp luật: Không có

1.5. Ông Phạm Phong Thành – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Họ và tên: **PHẠM PHONG THÀNH**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 07/05/1980

Nơi sinh: Nghị Đức – Tánh Linh – Bình Thuận

CMND: 025848333, ngày cấp 27/11/2013, nơi cấp: TP Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quảng Nam

Địa chỉ thường trú: B3 -11-05 Chung cư Lê Thành, phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh.

Số ĐT liên lạc: 0903111099

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
05/2003 – 05/2005	Cán bộ kinh doanh Công ty Internet NetNam
05/2005 – 06/2007	Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Internet NetNam
07/2007 – 12/2007	Cán bộ phân tích và tư vấn CTCP CK Rồng Việt
12/2007 – 09/2010	Cán bộ phòng môi giới CTCP CK Rồng Việt
09/2010 – 12/2016	Trưởng phòng môi giới CTCP CK Rồng Việt
01/2017 – 12/2017	Phó giám đốc Khối kinh doanh môi giới CTCP CK Rồng Việt
01/2018 – nay	Giám đốc Khối kinh doanh môi giới CTCP CK Rồng Việt
10/2017 – 10/2019	Thành viên HĐQT độc lập CTCP Cao su Phước Hòa
7/2020 – Nay	Thành viên HĐQT - Công ty CP Thủy điện Nước Trong.

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên độc lập HĐQT

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Khối KD môi giới CTCP CK Rồng Việt

Số CP nắm giữ (thời điểm 12/03/2024): 100 cổ phiếu, chiếm 0,001% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 100 cổ phiếu, chiếm 0,001% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Hành vi phạm pháp luật:	Không có

- **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Tổ Kiểm toán nội bộ gồm 02 thành viên:
 - + Phạm Phong Thành : Tổ trưởng
 - + Trần Minh Huy : Thành viên
- **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**
 - + Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
 - + Giám sát việc thực hiện Kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua.
 - + Giám sát các hoạt động tài chính của Công ty.
 - + Kiểm tra giám sát việc điều hành SXKD bám sát mục tiêu của Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
 - + Luôn theo dõi sát sao hoạt động của Ban giám đốc, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo thuận lợi cho công tác điều hành của Ban giám đốc.
 - + Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn về các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty qua email, điện thoại ngoài các cuộc họp định kỳ.
 - + Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Cao	8/8	100%	
2	Ông Nguyễn Đình Thọ	8/8	100%	
3	Ông Phạm Phong Thành	8/8	100%	
4	Bà Võ Thụy Vân Khanh	8/8	100%	
5	Ông Trần Minh Huy	8/8	100%	
6	Ông Nguyễn Văn Cao	8/8	100%	
7	Ông Nguyễn Đình Thọ	8/8	100%	

+ Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2023/NQ-HĐQT	02/02/2023	Thống nhất các nội dung: - Thông qua việc tạm ứng cổ tức lần 3 năm 2022 bằng tiền và ngày chốt DSCĐ để tạm ứng cổ tức lần 3 năm 2022 bằng tiền của Công ty với Tỷ lệ: 10%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận 1.000 đồng), ngày chốt DSCĐ thực hiện tạm ứng cổ tức: 24/02/2023, ngày chi trả: 13/03/2023.	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
2	02/2023/NQ- HĐQT	24/02/2023	Thông qua việc chốt DSCĐ để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023: - Ngày ĐKCC: Ngày 24/03/2023. - Thời gian dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên: Ngày 21/04/2023. - Địa điểm dự kiến tổ chức Đại hội: Khách sạn Thiên Ân (01 An Dương Vương, phường Lê Hồng Phong, TP Quảng Ngãi). - Nội dung họp ĐHĐCĐ: Thông qua các báo cáo, tờ trình thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	100%
3	05/2023/NQ- HĐQT	28/03/2023	Thông nhất các nội dung đề trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022: - BCTC năm 2022 đã được kiểm toán - Kết quả SXKD năm 2022, Phương án phân phối Lợi nhuận năm 2022 - Kế hoạch SXKD và Kế hoạch phân phối Lợi nhuận năm 2023 - Mức Lương chuyên trách/thù lao của HĐQT và BKS năm 2023	100%
4	06/2023/NQ- HĐQT	28/03/2023	Thông qua việc thành lập Tổ Đầu tư trực thuộc Hội đồng quản trị CTCP Thủy điện Nước Trong	100%
5	10/2023/NQ- HĐQT	20/04/2023	Thông qua chủ trương bảo dưỡng, sửa chữa, đại tu tổ máy H2 và tổ máy H3 của Nhà máy Thủy điện Nước Trong	100%
6	13/2023/NQ- HĐQT	12/05/2023	- Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC làm đơn vị kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2023 và Báo cáo tài chính năm 2023. - Thông qua việc chi trả cổ tức lần 4 năm 2022 bằng tiền và ngày chốt DSCĐ để chi trả cổ tức lần 4 năm 2022 bằng tiền của Công ty như sau: Tỷ lệ thực hiện: 15%/cổ phiếu (1 cổ phiếu nhận 1.500 đồng), ngày chốt DSCĐ thực hiện chi trả cổ tức: 02/06/2023, ngày chi trả: 19/06/2023	100%
7	14/2023/QĐ- HĐQT	06/07/2023	Quyết định v/v Phê duyệt Bản yêu cầu báo giá Gói thầu: Đại tu tổ máy H2; H3 và 03 MBA nâng NMTĐ Nước Trong	
8	15/2023/QĐ- HĐQT	28/07/2023	Quyết định v/v Phê duyệt lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Đại tu tổ máy H2, H3 và 03 MBA nâng - NMTĐ Nước Trong	
9	16/2023/NQ- HĐQT	07/08/2023	Thông qua việc tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2023 bằng tiền và ngày chốt DSCĐ để tạm ứng cổ	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			tức lần 1 năm 2023 bằng tiền với Tỷ lệ: 10%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận 1.000 đồng), ngày chốt DSCĐ thực hiện tạm ứng cổ tức: 06/09/2023, ngày chi trả: 21/09/2023.	
10	17/2023/QĐ- HĐQT	10/08/2023	Quyết định v/v Chi tiền tham quan nghỉ mát năm 2023	
11	70/2023/QĐ- NTH	15/08/2023	Thưởng vượt KH LNST TNDN năm 2022	
12	18/2023/QĐ- HĐQT	24/08/2023	Quyết định v/v Thưởng cho Người lao động nhân dịp lễ 2/9	
13	19/2023/QĐ- HĐQT	12/09/2023	Quyết định v/v Thưởng cho Người lao động tham gia công tác Đại tu tổ máy H2; H3 và 03 MBA nâng NMTĐ Nước Trong	
14	20/2023/NQ- HĐQT	01/11/2023	Thưởng vượt Kế hoạch LNST năm 2022 cho HĐQT, BKS và Ban điều hành Công ty thực hiện theo Nghị quyết số 12/2023/NQ.ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
15	21/2023/NQ- HĐQT	22/11/2023	Thông qua việc tạm ứng cổ tức lần 2 năm 2023 bằng tiền và ngày chốt DSCĐ để tạm ứng cổ tức lần 2 năm 2023 bằng tiền với Tỷ lệ: 10%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận 1.000 đồng), ngày chốt DSCĐ thực hiện tạm ứng cổ tức: 25/12/2023, ngày chi trả: 11/01/2024.	100%
16	22/2023/QĐ- HĐQT	18/12/2023	Quyết định v/v Thưởng Tết Dương lịch 2024	

- Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: đúng theo chức năng, quy định.
- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu:

STT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu (*)
1	Huỳnh Thị Kim Cúc	Trưởng BKS	28.058	0,26%
2	Nguyễn Hữu Quang	Thành viên BKS	20.177	0,19%
3	Hoàng Thị Thùy	Thành viên BKS	5.000	0,05%

(*) Theo danh sách cổ đông do VSDC chốt ngày 12/03/2024.

Cơ cấu thành viên BKS tại ngày 31/12/2023.

1. Bà Huỳnh Thị Kim Cúc – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: HUỲNH THỊ KIM CÚC
 Giới tính: Nữ
 Ngày tháng năm sinh: 21/03/1977
 Nơi sinh: Xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi
 CMND: 211972683, ngày cấp: 01/11/2008, nơi cấp: CA Quảng Ngãi
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi
 Địa chỉ thường trú: Xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.
 Số ĐT liên lạc: 0905338785
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
 Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
05/1997 – 02/2003	Tổ trưởng CCS – Phòng KCS Nhà máy Đường Phổ Phong - Công ty Đường Quảng Ngãi
02/2003 – 12/2017	Kế toán tổng hợp, Kế toán trưởng - Công ty CP 20/7
11/2011 - nay	Trưởng Ban kiểm soát - Công ty CP Thủy điện Nước Trong

Chức vụ công tác tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.
 Số CP nắm giữ (thời điểm 12/03/2024): 28.058 cổ phiếu, chiếm 0,26% vốn điều lệ
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 + Cá nhân sở hữu: 28.058 cổ phiếu, chiếm 0,26% vốn điều lệ
 Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan: -Trần Thị Tường (Chị dâu): sở hữu 60.000 cổ phiếu, chiếm 0,56% vốn điều lệ.
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

2. Ông Nguyễn Hữu Quang – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: NGUYỄN HỮU QUANG
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 09/08/1968
 Nơi sinh: Xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
 CMND: 025101927, ngày cấp: 20/9/2012, nơi cấp: Công an TP Hồ Chí Minh
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
 Địa chỉ thường trú: 43B, đường số 9, Khu A, Khu phố 1, phường Tân Phú, Quận 7, TP Hồ Chí Minh.
 Số ĐT liên lạc: 0902379898
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện công nghiệp

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
02/1992 – 08/1999	Cán bộ kỹ thuật - Công ty Điện lực tỉnh Tiền Giang
02/1999 – 06/2006	Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty Điện lực Tân Thuận – Tổng công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh
06/2006 - nay	Giám đốc - Công ty TNHH Gia Long VN – TP.HCM
07/2017- nay	Thành viên BKS - Công ty CP Thủy điện Nước Trong

Các chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên BKS
 Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Gia Long VN – TP Hồ Chí Minh
 Số CP nắm giữ (thời điểm 12/03/2024) 20.177 cổ phiếu, chiếm 00,19% vốn điều lệ
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 + Cá nhân sở hữu: 20.177 cổ phiếu, chiếm 00,19% vốn điều lệ
 Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan: Phạm Thị Kim Chi (vợ) sở hữu 75.000 cổ phiếu, chiếm 0,69% vốn điều lệ
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
 Hành vi phạm pháp luật: Không có

3. Bà Hoàng Thị Thủy – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **HOÀNG THỊ THỦY**
 Giới tính: Nữ
 Ngày tháng năm sinh: 05/02/1985
 Nơi sinh: Xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
 Căn cước công dân: 042185000127, ngày cấp: 28/12/2015, nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Xã Xuân Hội, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
 Địa chỉ thường trú: 39E đường số 9, KP4, phường An Phú, Quận 2, TP Hồ Chí Minh

Số ĐT liên lạc: 0945401409
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
10/2006 – 02/2020	Kế toán tổng hợp – Đội Xây dựng cầu đường số 1 - Công ty CP Xây dựng địa ốc Cao Su
01/2007 – 06/2011	Kế toán Tổng hợp - Công ty CP Sao Mai
01/2013 – 05/2023	Kế toán trưởng - Công ty TNHH TMDV Đô Thành
07/2017- nay	Thành viên Ban kiểm soát - Công ty CP Thủy điện Nước Trong

Các chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên BKS

Các chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:

Số CP nắm giữ (thời điểm 12/03/2024) 5.000 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
 + Cá nhân sở hữu: 5.000 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Hành vi phạm pháp luật: Không có

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã thực hiện giám sát trong việc quản lý và điều hành công ty đúng trách nhiệm, chức năng và nhiệm vụ của mình. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên ở từng lĩnh vực phù hợp với trình độ chuyên môn và kinh nghiệm của từng người, tiến hành kiểm tra các hoạt động của Công ty theo đúng quy định.

Các cuộc họp của BKS

STT	Thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Huỳnh Thị Kim Cúc	4/4	100%	100%	
2	Bà Hoàng Thị Thùy	4/4	100%	100%	
3	Ông Nguyễn Hữu Quang	4/4	100%	100%	

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

ĐVT: đồng

Họ tên	Chức vụ	Khoản mục	Năm 2023
Hội đồng quản trị			
Ông Nguyễn Văn Cao	Chủ tịch HĐQT	Lương, thưởng	449.500.000
		Thù lao	401.500.000
Ông Nguyễn Đình Thọ	Thành viên HĐQT	Thưởng	292.000.000
		Thù lao	112.600.000
Ông Phạm Phong Thành	Thành viên HĐQT kiêm Tổ trưởng tổ KTNB	Thưởng	310.000.000
		Thù lao	160.600.000
Bà Võ Thị Vân Khanh	Thành viên HĐQT	Thưởng	272.000.000
		Thù lao	112.600.000
Ông Trần Minh Huy	Thành viên HĐQT kiêm Thành viên tổ KTNB	Thưởng	281.000.000
		Thù lao	136.600.000
Ban kiểm soát			
Bà Huỳnh Thị Kim Cúc	Trưởng ban kiểm soát	Thưởng	334.000.000
		Thù lao	168.900.000
Ông Nguyễn Hữu Quang	Thành viên BKS	Thưởng	244.500.000
		Thù lao	52.600.000
Bà Hoàng Thị Thùy	Thành viên BKS	Thưởng	244.500.000
		Thù lao	52.600.000
Ban giám đốc			
Ông Ngô Trung Dũng	Giám đốc Thư ký HĐQT, Người phụ trách quản trị Công ty	Lương, thưởng	803.319.232
		Thù lao	39.600.000
Ông Lê Văn Hưng	PGĐ kỹ thuật	Lương, thưởng	648.175.000

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Cổ đông lớn/cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (*)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (*)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Đình Thọ	Cổ đông nội bộ	497.231	4,60%	503.631	4,66%	Mua
2	Trần Minh Huy	Cổ đông nội bộ	205.000	1,898%	216.900	2,01%	Mua
3	Huỳnh Thị Kim Cúc	Cổ đông nội bộ	30.058	0,28%	28.058	0,26%	Bán
4	Nguyễn Hữu Quang	Cổ đông nội bộ	98.177	0,91%	20.177	0,19%	Bán

(*) Căn cứ các DSCĐ do VSDC chốt ngày 07/12/2022 và 12/03/2024.

3.3. Hợp đồng/Giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

I. Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2023-010-1
Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2024

Lê Đức Tùng – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5181-2021-010-1

VIA
C
CI
THL
WUO
VGA

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		48.738.399.706	37.620.047.680
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		32.156.932.855	6.942.053.156
1. Tiền	111	5	15.156.932.855	942.053.156
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	17.000.000.000	6.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.824.754.891	30.068.060.342
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	15.744.396.756	29.913.074.924
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	54.500.000	130.500.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	25.858.135	24.485.418
IV. Hàng tồn kho	140	10	717.356.909	459.650.363
1. Hàng tồn kho	141		717.356.909	459.650.363
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		39.355.051	150.283.819
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	39.355.051	150.283.819
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		185.863.250.577	204.303.069.121
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		183.213.253.464	202.918.647.510
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	183.119.259.666	202.824.653.712
- Nguyên giá	222		395.374.774.395	395.374.774.395
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(212.255.514.729)	(192.550.120.683)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	93.993.798	93.993.798
- Nguyên giá	228		93.993.798	93.993.798
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		111.250.000	5.000.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	111.250.000	5.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.538.747.113	1.379.421.611
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	2.538.747.113	1.379.421.611
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		234.601.650.283	241.923.116.801

100
Đ
P
Y
T
T

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		56.808.831.972	64.521.815.066
I. Nợ ngắn hạn	310		56.808.831.972	39.531.815.077
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	1.809.284.255	2.845.803.914
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	5.264.761.669	5.079.292.951
3. Phải trả người lao động	314		1.743.237.834	1.567.408.811
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	11.226.695.075	1.538.554.847
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18.a	31.233.499.989	24.974.000.000
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.531.353.150	3.526.754.554
II. Nợ dài hạn	330		-	24.989.999.989
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18.b	-	24.989.999.989
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		177.792.818.311	177.401.301.735
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	177.792.818.311	177.401.301.735
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	108.020.530.000	108.020.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		108.020.530.000	108.020.530.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	15.041.374.974	12.282.153.128
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	54.730.913.337	57.098.618.607
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	19	26.669.026.107	16.554.038.697
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	19	28.061.887.230	40.544.579.910
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		234.601.650.283	241.923.116.801

32
 T
 HAI
 DIỆ
 HON
 HUA

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	115.836.998.233	134.307.128.021
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		115.836.998.233	134.307.128.021
4. Giá vốn hàng bán	11	21	49.613.503.635	50.628.499.207
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>66.223.494.598</u>	<u>83.678.628.814</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	471.747.170	158.895.259
7. Chi phí tài chính	22	23	3.813.270.581	6.403.347.397
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.813.270.581	6.403.347.397
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	4.747.467.767	4.700.926.283
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>58.134.503.420</u>	<u>72.733.250.393</u>
11. Thu nhập khác	31		3.600.000	1.962.200
12. Chi phí khác	32	25	10.055.002	12.844.808
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(6.455.002)</u>	<u>(10.882.608)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>58.128.048.418</u>	<u>72.722.367.785</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	2.943.611.496	3.668.272.329
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>55.184.436.922</u>	<u>69.054.095.456</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	4.853	5.756
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	4.853	5.756

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		130.005.676.401	123.390.588.442
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(18.751.854.406)	(16.098.549.222)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.527.430.406)	(8.927.908.047)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	17,23	(4.857.606.853)	(5.361.065.920)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	16	(2.968.272.327)	(2.353.736.980)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		12.678.563.538	11.572.136.988
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(24.122.431.418)	(24.727.434.176)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		81.456.644.529	77.494.031.085
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	14	(106.250.000)	(38.193.671)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22	471.747.170	158.895.259
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		365.497.170	120.701.588
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	18	(18.730.500.000)	(25.724.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	17,19	(37.876.762.000)	(61.384.269.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(56.607.262.000)	(87.108.269.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		25.214.879.699	(9.493.536.327)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	6.942.053.156	16.435.589.483
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	32.156.932.855	6.942.053.156



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Thủy điện Nước Trong (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000027 ngày 11 tháng 02 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300322171) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 19/08/2022. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 19/06/2019 với mã chứng khoán là NTH.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất điện.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, kinh doanh mua và bán điện;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng công trình thủy lợi, xây lắp công trình điện và trạm biến áp có cấp điện áp 35 kV;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, địa ốc và bất động sản;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Buôn bán kim loại và quặng kim loại: Buôn bán sắt, thép;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Đại lý du lịch;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê các loại thiết bị cơ giới;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn;
- Điều hành tua du lịch.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	6 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 17
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

4.5 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia và đơn giá cụ thể áp dụng theo biểu giá chi phí tránh được do Bộ Công thương ban hành hàng năm.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó. Theo đó, tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.11 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

4.12 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

217
V
N
G
ANG

4.15 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán điện thương phẩm. Giai đoạn từ ngày 01/7/2023 đến 31/12/2023, Công ty áp dụng thuế suất 8% theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP của Chính phủ.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp:
 - + Đối với dự án thủy điện:
 - Được hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Năm 2012 là năm đầu tiên Nhà máy thủy điện Nước Trong đi vào hoạt động, do vậy Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% từ năm 2012 đến năm 2026.
 - Được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi dự án có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2015 là năm đầu tiên dự án phát sinh thu nhập chịu thuế. Theo đó, dự án được miễn thuế từ năm 2015 đến năm 2018 và giảm 50% thuế TNDN phải nộp từ năm 2019 đến năm 2027.
 - + Đối với các hoạt động khác: Áp dụng thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền mặt	542.001.779	747.965.585
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.614.931.076	194.087.571
Cộng	15.156.932.855	942.053.156

6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	17.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	<u>17.000.000.000</u>	<u>6.000.000.000</u>

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	15.744.396.756	29.913.074.924
Cộng	<u>15.744.396.756</u>	<u>29.913.074.924</u>

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt	12.500.000	12.500.000
Công ty TNHH Khảo sát & Phát triển công nghệ Địa Việt	-	76.000.000
Công ty TNHH Công nghệ môi trường Quảng Ngãi	42.000.000	42.000.000
Cộng	<u>54.500.000</u>	<u>130.500.000</u>

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023	01/01/2023
Tạm ứng	23.058.135	21.685.418
Ký quỹ, ký cược	2.800.000	2.800.000
Cộng	<u>25.858.135</u>	<u>24.485.418</u>

10. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	93.239.636	-	59.248.090	-
Công cụ, dụng cụ	624.117.273	-	400.402.273	-
Cộng	<u>717.356.909</u>	<u>-</u>	<u>459.650.363</u>	<u>-</u>

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2023.
- Không có hàng tồn kho mất phẩm chất tại ngày 31/12/2023.

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm	5.743.499	43.254.909
Các khoản khác	33.611.552	107.028.910
Cộng	39.355.051	150.283.819

b. Dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí kiểm nghiệm, thí nghiệm định kỳ	179.872.366	252.493.676
Chi phí sửa chữa	1.040.647.942	245.333.332
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	420.920.920	366.156.341
Chi phí cấp phép khai thác, sử dụng mặt nước	307.469.092	345.902.728
Các khoản khác	589.836.793	169.535.534
Cộng	2.538.747.113	1.379.421.611

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	127.597.945.414	170.474.614.849	97.207.857.187	94.356.945	395.374.774.395
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	127.597.945.414	170.474.614.849	97.207.857.187	94.356.945	395.374.774.395
Khấu hao					
Số đầu năm	56.210.423.692	87.788.826.533	48.456.513.513	94.356.945	192.550.120.683
Khấu hao trong năm	6.109.508.184	8.634.500.802	4.961.385.060	-	19.705.394.046
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	62.319.931.876	96.423.327.335	53.417.898.573	94.356.945	212.255.514.729
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	71.387.521.722	82.685.788.316	48.751.343.674	16.332.687	202.824.653.712
Số cuối năm	65.278.013.538	74.051.287.514	43.789.958.614	-	183.119.259.666

- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2023 của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 134.297.650.549 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 4.412.252.145 đồng.

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	93.993.798	93.993.798
Mua trong năm	-	-
Số cuối năm	93.993.798	93.993.798
Khấu hao		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Số cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	93.993.798	93.993.798
Số cuối năm	93.993.798	93.993.798

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài tại Thửa đất số B5- Khu đất IVB1 Nam Sông Trà Khúc – Thành phố Quảng Ngãi.

14. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Đường dây 35kV chuyển đầu nối Nhà máy thủy điện Nước Trong vào TBA 110kV nối cấp trong TBA 220kV Sơn Hà	111.250.000	5.000.000
Cộng	111.250.000	5.000.000

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi	1.357.242.726	2.077.282.852
Quỹ Bảo vệ & Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi	436.211.532	746.797.392
Các đối tượng khác	15.829.997	21.723.670
Cộng	1.809.284.255	2.845.803.914

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế Giá trị gia tăng	340.086.274	9.530.043.359	8.780.451.564	1.089.678.069
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.968.272.327	2.943.611.496	2.968.272.327	2.943.611.496
Thuế thu nhập cá nhân	631.298.756	2.525.359.694	3.140.998.763	15.659.687
Thuế tài nguyên	1.139.635.594	9.241.186.818	9.165.009.995	1.215.812.417
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí và lệ phí	-	1.091.274.000	1.091.274.000	-
Cộng	5.079.292.951	25.334.475.367	25.149.006.649	5.264.761.669

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023	01/01/2023
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	973.575	973.575
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	11.225.721.500	493.245.000
Chi phí lãi vay phải trả	-	1.044.336.272
Cộng	11.226.695.075	1.538.554.847

18. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn đến hạn trả	24.974.000.000	24.989.999.989	18.730.500.000	31.233.499.989
- Ngân hàng NN và PTNN Tỉnh Quảng Ngãi	24.974.000.000	24.989.999.989	18.730.500.000	31.233.499.989
Cộng	24.974.000.000	24.989.999.989	18.730.500.000	31.233.499.989

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	49.963.999.989	-	18.730.500.000	31.233.499.989
- Ngân hàng NN và PTNN Tỉnh Quảng Ngãi	49.963.999.989	-	18.730.500.000	31.233.499.989
Cộng	49.963.999.989	-	18.730.500.000	31.233.499.989
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	24.974.000.000			31.233.499.989
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24.989.999.989			-

Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tỉnh Quảng Ngãi theo các hợp đồng vay sau:

+ Hợp đồng vay số 01/2009/VBAQNg-NC ngày 18/03/2009 và các phụ lục hợp đồng vay. Thời hạn vay: 180 tháng và phương thức cho vay: Theo dự án đầu tư. Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán chi phí đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy Thủy điện Nước Trong. Lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nông nghiệp theo từng giai đoạn. Hình thức đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.

+ Hợp đồng vay số 4500-LAV-202100086 ngày 19/01/2021 với thời hạn vay: 46 tháng và phương thức cho vay: Theo dự án đầu tư. Mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư đường dây 35kV đấu nối Nhà máy thủy điện Nước Trong vào TBA 220kV Sơn Hà. Lãi suất cho vay: 10,4%/năm. Hình thức đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2022	108.020.530.000	8.829.448.355	49.740.197.697	166.590.176.052
Tăng trong năm	-	3.452.704.773	69.054.095.456	72.506.800.229
Giảm trong năm	-	-	61.695.674.546	61.695.674.546
Số dư tại 31/12/2022	<u>108.020.530.000</u>	<u>12.282.153.128</u>	<u>57.098.618.607</u>	<u>177.401.301.735</u>
Số dư tại 01/01/2023	108.020.530.000	12.282.153.128	57.098.618.607	177.401.301.735
Tăng trong năm	-	2.759.221.846	55.184.436.922	57.943.658.768
Giảm trong năm	-	-	57.552.142.192	57.552.142.192
Số dư tại 31/12/2023	<u>108.020.530.000</u>	<u>15.041.374.974</u>	<u>54.730.913.337</u>	<u>177.792.818.311</u>

b. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.802.053	10.802.053
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.802.053	10.802.053
- Cổ phiếu phổ thông	10.802.053	10.802.053
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.802.053	10.802.053
- Cổ phiếu phổ thông	10.802.053	10.802.053
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	57.098.618.607	49.740.197.697
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	55.184.436.922	69.054.095.456
Phân phối lợi nhuận	57.552.142.192	61.695.674.546
Phân phối lợi nhuận năm trước	30.429.592.500	33.186.159.000
+ Trả cổ tức cho cổ đông	27.005.132.500	32.406.159.000
+ Trích thưởng cho HĐQT, BKS và Ban điều hành	3.424.460.000	780.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	27.122.549.692	28.509.515.546
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	2.759.221.846	3.452.704.773
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.759.221.846	3.452.704.773
+ Chia trả cổ tức	21.604.106.000	21.604.106.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	54.730.913.337	57.098.618.607

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2022 và tạm phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 12/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023.

d. Cổ tức

Trả cổ tức năm 2022: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 21/04/2023 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2022 bằng tiền là 45% vốn điều lệ (tương ứng với số tiền 48.609.238.500 đồng). Theo đó, việc chi trả cổ tức thực hiện như sau:

- Trong năm 2022, Công ty đã tạm ứng cổ tức 20% vốn điều lệ (2 đợt) (tương ứng với số tiền 21.604.106.000 đồng);
- Chi trả cổ tức năm 2022 (đợt 3) bằng tiền (từ ngày 13/03/2023) là 10% vốn điều lệ (tương ứng với số tiền 10.802.053.000 đồng);
- Chi trả cổ tức năm 2022 (đợt 4) bằng tiền (từ ngày 19/06/2023) là 15% vốn điều lệ (tương ứng với số tiền 16.203.079.500 đồng).

Tạm ứng cổ tức năm 2023: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã thông qua kế hoạch cổ tức là 30% vốn điều lệ.

- Tạm ứng cổ tức năm 2023 (đợt 1) bằng tiền là 10% vốn điều lệ (tương ứng với số tiền 10.802.053.000 đồng), đã chi trả từ ngày 21/09/2023;
- Tạm ứng cổ tức năm 2023 (đợt 2) bằng tiền là 10% vốn điều lệ (tương ứng với số tiền 10.802.053.000 đồng), đã chi trả từ ngày 11/01/2024.

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu bán điện thương phẩm	115.836.998.233	134.307.128.021
Cộng	115.836.998.233	134.307.128.021

21. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn điện thương phẩm	49.613.503.635	50.628.499.207
Cộng	49.613.503.635	50.628.499.207

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	471.747.170	158.895.259
Cộng	471.747.170	158.895.259

23. Chi phí tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí lãi vay	3.813.270.581	6.403.347.397
Cộng	3.813.270.581	6.403.347.397

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nhân viên quản lý	3.442.088.384	3.247.687.778
Chi phí đồ dùng văn phòng	26.524.097	54.006.609
Chi phí khấu hao TSCĐ	205.544.868	202.428.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	240.626.828	331.188.229
Chi phí bằng tiền khác	832.683.590	865.615.317
Cộng	4.747.467.767	4.700.926.283

25. Chi phí khác

	Năm 2023	Năm 2022
Tiền chậm nộp	10.055.002	12.844.808
Cộng	10.055.002	12.844.808

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023	Năm 2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	58.128.048.418	72.722.367.785
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	744.181.502	643.078.808
- Điều chỉnh tăng (chi phí không được trừ)	744.181.502	643.078.808
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	58.872.229.920	73.365.446.593
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.943.611.496	3.668.272.329

27. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	55.184.436.922	69.054.095.456
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(2.759.221.846)	(6.877.164.773)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành)	2.759.221.846	6.877.164.773
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	52.425.215.076	62.176.930.683
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.802.053	10.802.053
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.853	5.756

Lãi cơ bản, suy giảm năm 2023 được tính khi chưa giảm trừ số trích lập quỹ thưởng cho HĐQT và BKS. Số liệu này có thể thay đổi tùy thuộc vào quyết định phê duyệt mức trích quỹ tại Đại hội đồng cổ đông năm 2024.

28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.768.665.348	10.800.731.065
Chi phí nhân công	7.717.947.256	7.051.382.581
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.705.394.046	20.441.447.396
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.948.501.941	4.386.764.809
Chi phí khác bằng tiền	13.220.462.811	12.649.099.639
Cộng	54.360.971.402	55.329.425.490

29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ thực tế hoạt động tại Công ty, Ban giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất điện thương phẩm và bộ phận địa lý là Việt Nam.

30. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến

động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, phụ tùng và dịch vụ từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Với đặc điểm là chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động sản xuất của Công ty cộng với chính sách quản lý về giá như trên, Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc cho rằng rủi ro biến động về giá ngoài dự tính của Công ty ở mức rất thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Khách hàng chủ yếu của Công ty là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Với đặc điểm kinh doanh mua bán điện tại Việt Nam, Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.809.284.255	-	1.809.284.255
Vay và nợ thuê tài chính	31.233.499.989	-	31.233.499.989
Phải trả khác	11.225.721.500	-	11.225.721.500
Cộng	44.268.505.744	-	44.268.505.744
01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.845.803.914	-	2.845.803.914
Vay và nợ thuê tài chính	24.974.000.000	24.989.999.989	49.963.999.989
Phải trả khác	1.537.581.272	-	1.537.581.272
Cộng	29.357.385.186	24.989.999.989	54.347.385.175

Ban Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.156.932.855	-	32.156.932.855
Phải thu khách hàng	15.744.396.756	-	15.744.396.756
Phải thu khác	2.800.000	-	2.800.000
Cộng	47.904.129.611	-	47.904.129.611

01/01/2023	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.942.053.156	-	6.942.053.156
Phải thu khách hàng	29.913.074.924	-	29.913.074.924
Phải thu khác	2.800.000	-	2.800.000
Cộng	36.857.928.080	-	36.857.928.080

31. Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

			Năm 2023	Năm 2022
Ông Nguyễn Văn Cao	Chủ tịch HĐQT	Thưởng	449.500.000	32.000.000
		Thù lao	401.500.000	391.000.000
Ông Nguyễn Đình Thọ	Thành viên HĐQT	Thưởng	292.000.000	120.000.000
		Thù lao	112.600.000	96.000.000
Ông Phạm Phong Thành	Thành viên HĐQT	Thưởng	310.000.000	124.000.000
		Thù lao	160.600.000	96.000.000
Bà Võ Thị Vân Khanh	Thành viên HĐQT	Thưởng	272.000.000	8.000.000
		Thù lao	112.600.000	56.000.000
Ông Trần Minh Huy	Thành viên HĐQT	Thưởng	281.000.000	10.000.000
		Thù lao	136.600.000	56.000.000
Bà Huỳnh Thị Kim Cúc	Trưởng ban kiểm soát	Thưởng	334.000.000	160.500.000
		Thù lao	168.900.000	144.000.000
Ông Nguyễn Hữu Quang	Thành viên Ban kiểm soát	Thưởng	244.500.000	52.500.000
		Thù lao	52.600.000	36.000.000
Bà Hoàng Thị Thùy	Thành viên Ban kiểm soát	Thưởng	244.500.000	52.500.000
		Thù lao	52.600.000	36.000.000
Ông Ngô Trung Dũng	Giám đốc	Lương, thưởng	803.319.232	513.557.692
		Thư ký HĐQT	39.600.000	36.000.000
Ông Lê Văn Hưng	Phó Giám đốc kỹ thuật	Lương, thưởng	648.175.000	459.125.000

32. Cam kết thuê hoạt động

Theo Công văn số 2894/UBND-CNXD ngày 27/09/2007 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi và Hợp đồng thuê đất số 200/HĐTD ngày 30/12/2016 giữa Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi và Công ty thì Công ty đã thuê 12.622,6 m² đất tại xã Sơn Bao, Huyện Sơn Hà, Tỉnh Quảng Ngãi để xây dựng Nhà máy Thủy điện Nước Trong, cụ thể như sau:

- Thời hạn thuê: 49 năm kể từ ngày 11/10/2016 đến ngày 11/10/2065;
- Đơn giá thuê: 63 đồng/m²/năm, đơn giá ổn định trong 5 năm kể từ ngày 11/10/2016;
- Phương thức nộp tiền: Nộp tiền hằng năm, mỗi năm nộp 2 kỳ.

Ngày 09/02/2017, Cục thuế Tỉnh Quảng Ngãi đã có Quyết định số 87/QĐ-CT về việc miễn tiền thuê đất từ ngày 20/01/2017 đến ngày 11/10/2065 cho Công ty.

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ngày 26/02/2024, Công ty đã có thông báo chốt danh sách cổ đông vào ngày 11/03/2024 để tạm ứng cổ tức năm 2023 (đợt 3) bằng tiền với tỷ lệ 10%, ngày thanh toán 27/03/2024.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

34. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi AAC.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



NGUYỄN VĂN CAO

